

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hoàn; ông Nguyễn Việt Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 271/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Cao Văn L, sinh năm 1980.

HKTT: Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Xã Y, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Tạ Thị D, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn V, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Singapore.

3. *Người làm chứng:* Bà Ngô Thị C, sinh năm 1966, Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

*Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Cao Văn L trình bày: Anh và chị Tạ Thị D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 20 tháng 5 năm 2009 tại UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chưa được tìm hiểu kỹ dẫn tới vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến cuối năm 2016, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ rồi tự ý làm thủ tục để đi lao động tại Singapore mà không cho anh L biết. Anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh L ly hôn với chị Tạ Thị D để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh L và chị D có 01 con chung là cháu Cao Xuân P, sinh ngày 04/02/2010. Hiện nay, cháu P đang sinh sống cùng với anh L và ông bà nội tại Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Ngô Thị C là mẹ đẻ của chị Tạ Thị D. Tại các biên bản lấy lời khai, bà C trình bày: Chị D và anh L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2009 tại UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị D đang lao động tại Singapore. Chị D đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Chị D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên trường hợp anh L kiên quyết muốn ly hôn thì chị D nhất trí đồng ý ly hôn anh L. Về con chung, chị D đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Xuân P, sinh ngày 04/02/2010 do chị chưa thể về nước. Ngoài ra, chị D không có yêu cầu gì khác.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 12463/QLXNC-P5 ngày 15/6/2022 thể hiện: Chị Tạ Thị D, sinh ngày 03/6/1986, có thông tin xuất cảnh ngày 08/8/2019 bằng hộ chiếu số B7007688 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, anh L, chị D, bà C đều vắng mặt (anh L có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh L và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Cao Văn L ly hôn chị Tạ Thị D; về con chung, đề nghị HĐXX giao cho anh Cao Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Cao Xuân P, sinh ngày 04/02/2010. Chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Cao Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tạ Thị D, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Singapore. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 20 tháng 5 năm 2009 tại UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2016, chị D đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Từ khi đi nước ngoài, chị D không hề quan tâm, hỏi han gì đến chồng con và cũng chủ động cắt đứt liên lạc với anh L và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh L và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh L ly hôn với chị D là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh L và chị D có 01 con chung là Cao Xuân P, sinh ngày 04/02/2010. Hiện nay, cháu P đang ở cùng anh L tại Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh L đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay; phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Cao Xuân P cho anh L nuôi dưỡng. Do anh L tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh L và chị D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn L. Xử cho anh Cao Văn L ly hôn chị Tạ Thị D.

**2.** Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Cao Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Cao Xuân P, sinh ngày 04/02/2010 từ tháng 9/2022 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh L tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền khởi kiện yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Tạ Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Anh Cao Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0000390](#) ngày 27/5/2022. Anh L đã nộp đủ án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, tx Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thanh Tuấn**